

Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2025

**V/v chào mừng giá dịch vụ vệ sinh của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai**

Kính gửi: Quý nhà thầu quan tâm

- Tên dự toán: Mua sắm dịch vụ vệ sinh của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.
- Nội dung chào giá: Theo danh mục đính kèm.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày (12 tháng) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời hạn nộp báo giá: 10 giờ 00 phút ngày 05/12/2025 đến 12/12/2025.
- Địa chỉ nhận báo giá (bảng giấy): Phòng hành chính quản trị (P.313, lầu 3), Bệnh viện đa khoa Đồng Nai.
- Đồng thời gửi bảng Scan qua email: duongvanle0209@gmail.com.
- Địa chỉ: Số 02 đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.
- Người liên hệ: Dương Văn Lễ                                  SĐT: 0919136706

Rất mong được sự quan tâm của các nhà thầu./.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.  
(Ledv)

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Phương Trâm**

**Phụ lục**

**DANH MỤC CHI TIẾT**

(Kèm theo Thư mời số /TM-BVĐKĐN ngày / /2025  
của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

| STT                                                                                                                                     | Nội dung công việc                          | ĐVT   | Số lượng | Đơn giá (VAT) | Thành tiền |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------|----------|---------------|------------|
| 1                                                                                                                                       | Khu vực khám bệnh, chữa bệnh và hành chính. | Tháng | 12       |               |            |
| 2                                                                                                                                       | Khu vực dịch vụ                             | Tháng | 12       |               |            |
| <b>Tổng giá trị:.....đồng (tương đương 131.725 m<sup>2</sup>)</b><br>(Bằng chữ:.....), đã bao gồm VAT.....%, chi phí khác có liên quan. |                                             |       |          |               |            |

**I. Phạm vi cung cấp:**

| STT       | Khu vực làm việc theo các nguồn chi phí                          | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <b>I</b>  | <b>KHU KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ HÀNH CHÍNH</b>                    | <b>127.996</b>              |
| <b>A</b>  | <b>KHU A VÀ KHU D</b>                                            | <b>126.996</b>              |
| 1         | Khu vực vòng ngoài                                               | <b>63.522</b>               |
| 1.1       | Khu vực ngoại cảnh                                               | 60.000                      |
| 1.2       | Khu vực bãi xe nhân viên                                         | 3.486                       |
| 1.3       | Nhà bảo vệ 03 nhà                                                | 36                          |
| 2         | Khu vực tầng hầm                                                 | <b>12.622</b>               |
| 1.1       | Tầng hầm B2                                                      | 5.210                       |
| 1.2       | Tầng hầm B1                                                      | 7.412                       |
| 3         | Khu vực tầng trệt đến lầu 2                                      | <b>23.706</b>               |
| 4         | Khu vực tầng 3                                                   | <b>5.129</b>                |
| 5         | Khu vực lầu 4 đến lầu 11 (trừ các phòng dịch vụ tầng 4 và 5)     | <b>18.382</b>               |
| 6         | Khu vực khoa truyền nhiễm                                        | <b>1.180</b>                |
| 7         | Khu vực sân thượng, khu vực cây kiềng bằng đá mặt tiền Bệnh viện | <b>2.455</b>                |
| <b>B</b>  | <b>KHU C</b>                                                     | <b>1.000</b>                |
| 1         | Khu vực tầng 4                                                   | 1.000                       |
| <b>II</b> | <b>KHU DỊCH VỤ</b>                                               | <b>3.729</b>                |

| STT                       | Khu vực làm việc theo các nguồn chi phí                                                                                                                                                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1                         | Khoa dịch vụ tổng hợp (Tầng 12)                                                                                                                                                                                                 | 2.296                       |
| 2                         | Dịch vụ khoa sản (Tầng 4 phòng số: 401, 402, 403, 404, 405, 406 và Tầng 5 phòng số: 532, 533, 534, 536, 537, 538, 539, 540, 543, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 554, 555, 556, 557, 501, 502, 503, 504, 505, 541, 542, 552, 553) | 1.433                       |
| <b>Tổng cộng (I + II)</b> |                                                                                                                                                                                                                                 | <b>131.725</b>              |

## II. Khu làm việc:

**\* Khu khám bệnh, chữa bệnh và hành chính.**

**A. Khu A và khu D: 126.996 m<sup>2</sup>**

**1. Khu vực vòng ngoài: 63.522 m<sup>2</sup>**

1.1. Khu vực ngoại cảnh: 60.000 m<sup>2</sup>

1.2. Khu vực bãi xe nhân viên: 3.486 m<sup>2</sup>

1.3. Nhà bảo vệ 03 nhà: 36 m<sup>2</sup>

**2. Khu vực tầng hầm: 12.622 m<sup>2</sup>**

2.1. Tầng hầm B2: 5.210 m<sup>2</sup>

- Khu vực các phòng ban
- Khu vực quầy phòng bác sĩ
- Khu vực phòng máy (kỹ thuật)
- Khu vực phòng giặt ủi
- Khu vực kho lưu trữ kế hoạch tổng hợp
- Khu vực kho hành chánh
- Khu vực nhà rác
- Khu vực hành lang công cộng
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

2.2. Tầng hầm B1: 7.412 m<sup>2</sup>

- Khu vực khoa vật lý trị liệu phục hồi chức năng
- Khu vực khoa Dược, kho thuốc, kho hóa chất, vật tư y tế, tổ bảo trì thiết bị y tế
- Khu vực cách ly
- Khu vực khoa cấp cứu tổng hợp
- Khu vực khoa dinh dưỡng
- Khu vực Phòng Quản trị tòa nhà
- Khu vực các phòng ban
- Khu vực hành lang công cộng
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

**3. Khu vực tầng trệt đến lầu 2: 23.706 m<sup>2</sup>**

- Khu vực quầy tiếp nhận bệnh
- Khu vực phòng khám
- Khu vực phòng họp
- Khu vực khoa nội, khoa ngoại
- Khu vực quầy thuốc
- Khu vực sảnh chính
- Khu vực các phòng ban
- Khu vực lối đi công cộng
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

**4. Khu vực tầng 3: 5.129 m<sup>2</sup>**

- Khu vực hành chính
- Khu vực lối đi công cộng
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ

**5. Khu vực tầng 4 đến tầng 11 (trừ các phòng dịch vụ tầng 4 và 5): 18.382 m<sup>2</sup>**

- Khu vực buồng bệnh
- Khu vực phòng trực
- Khu vực lối đi công cộng
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

**6. Khu vực khoa truyền nhiễm: 1.180 m<sup>2</sup>**

- Khu vực lối đi công cộng
- Khu vực quầy tiếp nhận bệnh
- Khu vực phòng nhân viên
- Khu vực buồng bệnh
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

**7. Khu vực sân thượng, khu vực cây kiểng bằng đá mặt tiền bệnh viện: 2.455 m<sup>2</sup>**

**B. Khu vực tầng 4 khu C: 1.000 m<sup>2</sup>**

- Khu vực lối đi công cộng
- Khu vực quầy tiếp nhận bệnh
- Khu vực phòng nhân viên
- Khu vực buồng bệnh
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

\* Khu vực dịch vụ.

**1. Khu vực khoa Dịch vụ tổng hợp (lầu 2): 2.296 m<sup>2</sup>**

- Khu vực lối đi cộng cộng
- Khu vực quây tiếp nhận bệnh
- Khu vực phòng nhân viên
- Khu vực buồng bệnh
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

**2. Khu vực Dịch vụ khoa Sản (Tầng 4 phòng số: 401, 402, 403, 404, 405, 406 và Tầng 5 phòng số: 532, 533, 534, 536, 537, 538, 539, 540, 543, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 554, 555, 556, 557, 501, 502, 503, 504, 505, 541, 542, 552, 553): 1.433 m<sup>2</sup>**

- Khu vực lối đi cộng cộng
- Khu vực quây tiếp nhận bệnh
- Khu vực phòng nhân viên
- Khu vực buồng bệnh
- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ
- Khu vực khác

**\* Khu vực thang cuốn.**

**\* Khu vực thang máy, thang bộ, thang thoát hiểm.**

**\* Các thùng chứa chất thải.**

### III. Chi tiết công việc:

| STT      | Mô tả công việc                                                                | Hàng ngày                                  | Hàng tuần | Hàng tháng | Hàng quý |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|------------|----------|
| <b>1</b> | <b>KHU VỰC VÒNG NGOÀI</b>                                                      |                                            |           |            |          |
|          | Quét và nhặt rác xung quanh khu vực bệnh viện                                  | X                                          |           |            |          |
|          | Quét dọn rác, lá cây rụng ở vỉa hè, miệng cống, cống chính và lề của bệnh viện | X                                          |           |            |          |
|          | Tẩy đốm kẹo cao su                                                             |                                            | X         |            |          |
|          | Vệ sinh chốt bảo vệ                                                            | X                                          |           |            |          |
|          | Quét và nhặt rác khu vực bãi xe                                                | X                                          |           |            |          |
| <b>2</b> | <b>KHU VỰC TẦNG HẦM B2 VÀ TẦNG HẦM B1</b>                                      |                                            |           |            |          |
|          | Quét sàn, thu gom rác                                                          | X                                          |           |            |          |
|          | Lau sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                                    | X                                          |           |            |          |
|          | Đánh sạch sàn bằng máy và hóa chất chuyên dụng                                 | X                                          |           |            |          |
|          | Vệ sinh kính dưới 4m các khu vực                                               |                                            | X         |            |          |
|          | Quét mạng nhện trần                                                            |                                            |           | X          |          |
|          | Lau dọn các nhà vệ sinh                                                        | X                                          |           |            |          |
|          | Xử lý các vết bắn phát sinh                                                    | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |            |          |

| STT | Mô tả công việc                                                             | Hàng ngày                                  | Hàng tuần | Hàng tháng       | Hàng quý |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|------------------|----------|
| 3   | KHU VỰC TẦNG TRỆT ĐẾN LẦU 2                                                 |                                            |           |                  |          |
|     | Khu vực quầy tiếp nhận                                                      |                                            |           |                  |          |
|     | Quét sàn, thu gom rác                                                       | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                                 | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh ghế ngồi chờ của bệnh nhân                                          | X                                          |           |                  |          |
|     | Đánh sạch sàn bằng máy và hóa chất chuyên dụng                              | X                                          |           |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần         |                                            |           | X                |          |
|     | Vệ sinh kính dưới 4m các khu vực                                            |                                            | X         |                  |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 4   | Khu vực phòng khám                                                          |                                            |           |                  |          |
|     | Quét sàn, thu gom rác khu vực hành lang                                     | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau sàn, đánh sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng các khu vực hành lang | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau kính, rèm cửa, các thiết bị trên tường                                  | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau dọn nhà vệ sinh                                                         | X                                          |           |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần (< 4m)  |                                            |           | X                |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 5   | Khu vực phòng ban – các khoa khác                                           |                                            |           |                  |          |
|     | Quét và thu gom rác                                                         | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                                 | X                                          |           |                  |          |
|     | Đánh sạch sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                           | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh các thiết bị treo tường (kệ oxy, ...)                               | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh khu vực phòng chờ                                                   | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh khu vực phòng bệnh nhân                                             | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh kính dưới 4m các khu vực                                            |                                            | X         |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần (< 4 m) |                                            |           | X ( hoặc khi dơ) |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh       |           |                  |          |

| STT | Mô tả công việc                                                             | Hàng ngày                                  | Hàng tuần | Hàng tháng       | Hàng quý |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|------------------|----------|
|     |                                                                             | chống                                      |           |                  |          |
| 6   | KHU VỰC TẦNG 3 (KHU HÀNH CHÍNH)                                             |                                            |           |                  |          |
|     | Quét và thu gom rác                                                         | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh cửa ra vào                                                          | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh kính dưới 4m                                                        |                                            | X         |                  |          |
|     | Đánh sàn bằng máy và hóa chất chuyên dụng                                   | X                                          |           |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần         |                                            |           | X( hoặc khi dơ)  |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 7   | KHU VỰC TỪ LẦU 4 ĐẾN LẦU 12                                                 |                                            |           |                  |          |
|     | Quét và thu gom rác                                                         | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                                 | X                                          |           |                  |          |
|     | Đánh sạch sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                           | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh các thiết bị treo tường (kệ oxy, ...)                               | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh khu vực phòng bệnh nhân                                             | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh kính dưới 4m các khu vực                                            |                                            | X         |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần (< 4 m) |                                            |           | X ( hoặc khi dơ) |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 8   | KHU VỰC KHOA TRUYỀN NHIỄM                                                   |                                            |           |                  |          |
|     | Quét và thu gom rác                                                         | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                                 | X                                          |           |                  |          |
|     | Đánh sạch sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                           | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh các thiết bị treo tường (kệ oxy, ...)                               | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh khu vực phòng bệnh nhân                                             | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh kính dưới 4m các khu vực                                            |                                            | X         |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần (< 4 m) |                                            |           | X ( hoặc khi dơ) |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 7   | KHU VỰC TẦNG 4 KHU C                                                        |                                            |           |                  |          |

| STT | Mô tả công việc                                                             | Hàng ngày                                  | Hàng tuần | Hàng tháng       | Hàng quý |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|------------------|----------|
|     | Quét và thu gom rác                                                         | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                                 | X                                          |           |                  |          |
|     | Đánh sạch sàn bằng hóa chất khử trùng chuyên dụng                           | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh các thiết bị treo tường (kệ oxy, ...)                               | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh khu vực phòng bệnh nhân                                             | X                                          |           |                  |          |
|     | Vệ sinh kính dưới 4m các khu vực                                            |                                            | X         |                  |          |
|     | Quét mạng nhện trần, máng đèn, thông gió quạt treo tường, quạt trần (< 4 m) |                                            |           | X ( hoặc khi dơ) |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 8   | KHU VỰC SÂN THƯỢNG, KHU VỰC CÂY KIỂNG BẢNG ĐÁ MẶT TIỀN BỆNH VIỆN            |                                            |           |                  |          |
|     | Quét sàn và thu gom rác                                                     |                                            | X         |                  |          |
| 9   | KHU VỰC THANG CUỐN                                                          |                                            |           |                  |          |
|     | Vệ sinh các bậc thang cuốn                                                  | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau tay vịn thang                                                           | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau kính dọc theo hai mặt thang cuốn                                        | X                                          |           |                  |          |
|     | Nhặt rác, tẩy đốm kẹo cao su                                                | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau gờ tường bên hông thang cuốn                                            | X                                          |           |                  |          |
|     | Tổng vệ sinh thang cuốn                                                     |                                            | X         |                  |          |
| 10  | KHU VỰC THANG MÁY                                                           |                                            |           |                  |          |
|     | Quét và lau sàn                                                             | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau mặt dựng và các bảng điều khiển thang máy                               | X                                          |           |                  |          |
|     | Tẩy đốm tường, lau gờ tường                                                 |                                            | X         |                  |          |
|     | Quét mạng nhện                                                              |                                            |           | X                |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |
| 11  | KHU VỰC THANG THOÁT HIỂM                                                    |                                            |           |                  |          |
|     | Quét sạch bậc cầu thang                                                     | X                                          |           |                  |          |
|     | Lau tay vịn, bậc cầu thang                                                  | X                                          |           |                  |          |
|     | Tẩy đốm tường                                                               |                                            | X         |                  |          |
|     | Quét mạng nhện                                                              |                                            |           | X                |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                 | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |                  |          |



| STT | Mô tả công việc                                                            | Hàng ngày                                  | Hàng tuần | Hàng tháng | Hàng quý |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|------------|----------|
| 12  | KHU VỰC NHÀ VỆ SINH CÁC TẦNG                                               |                                            |           |            |          |
|     | Lau sàn, thu gom rác                                                       | X                                          |           |            |          |
|     | Đổ rác, thay túi rác                                                       | X                                          |           |            |          |
|     | Khử trùng các bồn rửa tay, bồn cầu, bồn tiểu và khử mùi                    | X                                          |           |            |          |
|     | Lau gương soi                                                              | X                                          |           |            |          |
|     | Kiểm tra và thường xuyên thay giấy, nước rửa tay, túi rác                  | X                                          |           |            |          |
|     | Vệ sinh tường và vách ngăn, cửa ra vào                                     |                                            | X         |            |          |
|     | Lau chùi các công tắc đèn                                                  |                                            | X         |            |          |
|     | Vệ sinh trần, máng đèn, mạng nhện                                          |                                            |           | X          |          |
|     | Xử lý các vết bẩn phát sinh                                                | Luôn kiểm tra , xử lý kịp thời nhanh chóng |           |            |          |
| 13  | CÁC THÙNG CHỨA CHẤT THẢI                                                   |                                            |           |            |          |
|     | Các thùng rác tại các khoa/trại/phòng/khu vực ngoài trời luôn đảm bảo sạch | X                                          |           |            |          |
|     | Tổng vệ sinh các thùng rác                                                 | 2 lần/ tháng                               |           |            |          |
| 14  | ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TẢI                                                    |                                            |           |            |          |
|     | Đảm bảo đủ tải lau cho các khu vực làm vệ sinh                             | Theo dõi hàng ngày qua sổ                  |           |            |          |
|     | Tải sau sử dụng được xử lý đúng quy định, không để lẫn lộn                 |                                            |           |            |          |

#### IV. Nhân sự và thời gian làm việc:

##### 1. Khu A, khu D và Khu C:

**a. Bảng phân bổ nhân công lao động cho 01 ngày (từ thứ 2 tới chủ nhật):** 3 ca/ngày, trong đó ca 1: 56 công lao động + 01 giám sát, ca 2: 15 công lao động + 01 giám sát, ca 3: 04 công lao động.

| STT | Khu vực thực hiện   | Chi tiết công việc                                                                                                  | Phân bổ nhân công lao động cho 01 ngày |                 |                |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|----------------|
|     |                     |                                                                                                                     | Ca 1                                   | Ca 2            | Ca 3           |
|     |                     |                                                                                                                     | (05h00 – 13h00)                        | (13h00 – 21h00) | 21h00 – 05h00) |
| 1   | Vòng ngoài          | - Khu vực ngoại cảnh<br>- Khu vực bãi đậu xe máy và xe hơi                                                          | 3                                      |                 |                |
| 2   | Khu vực tầng hầm B2 | - Khu vực các phòng ban<br>- Khu vực quầy phòng bác sĩ<br>- Khu vực phòng máy (kỹ thuật)<br>- Khu vực phòng giặt ủi | 2                                      |                 |                |

|   |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Phân bổ nhân công lao động<br/>cho 01 ngày</b> |   |   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---|---|
|   | <b>Khu vực thực</b>                                                                       | - Khu vực nhà rác<br>- Khu vực hành lang công cộng<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ<br>- Khu vực khác                                                                                                                                                                          |                                                   |   |   |
| 3 | Khu vực tầng hầm B1                                                                       | - Khu vực cấp cứu                                                                                                                                                                                                                                                               | 2                                                 | 2 | 1 |
|   |                                                                                           | -Khu vực khoa Cấp cứu<br>-Khu vực phục hồi chức năng<br>- Khu vực khoa Dinh dưỡng<br>-Khoa Dược<br>- Khu vực thay đồ nam & nữ<br>- Khu vực các phòng ban<br>- Khu vực hành lang công cộng<br>- Khu vực kho lưu trữ<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ<br>- Các khu vực khác      | 2                                                 |   |   |
| 4 | Khu vực tầng trệt đến lầu 2                                                               | - Khu vực sảnh chính<br>- Khu vực phòng khám<br>- Khu vực phòng họp<br>- Khu vực khoa nội, khoa ngoại<br>- Khu vực quầy thuốc<br>- Khu vực quầy tiếp nhận bệnh<br>- Khu vực các phòng ban<br>- Khu vực lối đi công cộng<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ<br>- Các khu vực khác | 12                                                | 6 | 2 |
| 5 | Khu vực lầu 3                                                                             | - Khu vực hành chánh<br>- Khu vực lối đi công cộng<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ                                                                                                                                                                                            | 1                                                 |   |   |
| 6 | Khu vực lầu 4 đến lầu 11<br>(Trừ các phòng dịch vụ tầng 4 và 5)                           | - Khu vực trại bệnh<br>- Khu vực phòng trực<br>- Khu vực lối đi công cộng<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ                                                                                                                                                                     | 23                                                | 5 | 1 |
| 7 | Khu vực khoa truyền nhiễm                                                                 | - Khu vực lối đi công cộng<br>- Khu vực quầy tiếp nhận<br>- Khu vực phòng bác sĩ...<br>- Khu vực khám – chữa bệnh<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ                                                                                                                             | 2                                                 | 1 |   |
| 8 | Khu vực tầng 4 khu C                                                                      | -Khu vực lối đi công cộng<br>- Khu vực quầy tiếp nhận<br>- Khu vực phòng bác sĩ...<br>- Khu vực khám – chữa bệnh<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ                                                                                                                              | 1                                                 | 1 |   |
| 9 | Khu vực sân thượng, khu vực cây kiểng bằng đá mặt tiền Bệnh viện và các công việc định kỳ |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8                                                 |   |   |

|                           |                                                                                                                                                                                                                                 | Phân bổ nhân công lao động<br>cho 01 ngày |           |          |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|----------|
|                           | <b>Khu vực thực hiện</b>                                                                                                                                                                                                        |                                           |           |          |
|                           | khác, gom rác, đánh sàn, lau kính,...                                                                                                                                                                                           |                                           |           |          |
| 10                        | Khu vực dịch vụ tổng hợp tầng 12                                                                                                                                                                                                | 3                                         | 1         | 1        |
| 11                        | Dịch vụ khoa sản (Tầng 4 phòng số: 401, 402, 403, 404, 405, 406 và Tầng 5 phòng số: 532, 533, 534, 536, 537, 538, 539, 540, 543, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 554, 555, 556, 557, 501, 502, 503, 504, 505, 541, 542, 552, 553) | 3                                         | 1         |          |
| <b>Nhân công lao động</b> |                                                                                                                                                                                                                                 | <b>62</b>                                 | <b>17</b> | <b>5</b> |
| <b>Nhân công giám sát</b> |                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1</b>                                  | <b>1</b>  |          |
| <b>Tổng cộng</b>          |                                                                                                                                                                                                                                 | <b>86</b>                                 |           |          |

+ **Nhân sự:** Tối thiểu là **86 nhân công**, thời gian làm việc: 48 giờ/tuần, trong đó:

- **Nhân viên:** 84 nhân công

- Trách nhiệm: Thực hiện công việc theo sự phân công và yêu cầu của Giám sát, nhằm bảo đảm khu vực thực hiện vệ sinh luôn sạch đẹp.

- **Giám sát:** 02 nhân công

- Trách nhiệm: Giám sát sẽ kiểm tra, quản lý, hướng dẫn nhân viên làm việc theo đúng tiến độ, báo cáo về đơn vị thực hiện và đại diện của bệnh viện.

+ **Thời gian thực hiện:** (bao gồm chủ nhật và ngày lễ): làm việc 365 ngày/năm

**b. Bảng phân bổ nhân công lao động cho 01 ngày (các ngày lễ, tết):** 3 ca/ngày, trong đó ca 1: 17 công lao động + 01 giám sát, ca 2: 6 công lao động + 01 giám sát, ca 3: 2 công lao động:

| STT | Khu vực thực hiện   | Chi tiết công việc                                                                                                                                                                                                            | Phân bổ nhân công lao động<br>cho 01 ngày |                 |                |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------|
|     |                     |                                                                                                                                                                                                                               | Ca 1                                      | Ca 2            | Ca 3           |
|     |                     |                                                                                                                                                                                                                               | (05h00 – 13h00)                           | (13h00 – 21h00) | 21h00 – 05h00) |
| 1   | Khu vực tầng hầm B2 | - Khu vực các phòng ban<br>- Khu vực quầy phòng bác sĩ<br>- Khu vực phòng máy (kỹ thuật)<br>- Khu vực phòng giặt ủi<br>- Khu vực nhà rác<br>- Khu vực hành lang công cộng<br>- Khu vực nhà vệ sinh nam & nữ<br>- Khu vực khác | 1                                         |                 |                |
| 2   | Khu vực tầng hầm B1 | - Khu vực cấp cứu                                                                                                                                                                                                             | 2                                         | 2               | 1              |
|     |                     | - Khu vực cách ly<br>- Khu vực khoa vật lý trị liệu<br>- Khu vực phục hồi chức năng<br>- Khu vực căn tin<br>- Khu vực thay đồ nam & nữ                                                                                        | 1                                         |                 |                |

|   | Khu vực                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                         | Phân bổ nhân công lao động<br>cho 01 ngày |   |   |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---|---|
|   |                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực các phòng ban</li> <li>- Khu vực hành lang công cộng</li> <li>- Khu vực nhà để đồ dơ</li> <li>- Khu vực kho lưu trữ</li> <li>- Khu vực nhà vệ sinh nam &amp; nữ</li> <li>- Các khu vực khác</li> </ul> |                                           |   |   |
| 3 | Khu vực lầu 4 đến lầu 11 (Trừ các phòng dịch vụ tầng 4 và 5) (Trừ các phòng dịch vụ tầng 4 và 5) và tầng 4 khu C                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực trại bệnh</li> <li>- Khu vực phòng trực</li> <li>- Khu vực lối đi công cộng</li> <li>- Khu vực nhà vệ sinh nam &amp; nữ</li> </ul>                                                                     | 11                                        | 3 | 1 |
| 4 | Khu vực khoa truyền nhiễm                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực lối đi công cộng</li> <li>- Khu vực quầy tiếp nhận</li> <li>- Khu vực phòng bác sĩ...</li> <li>- Khu vực khám – chữa bệnh</li> <li>- Khu vực nhà vệ sinh nam &amp; nữ</li> </ul>                       | 2                                         | 1 |   |
|   | Khoa dịch vụ tổng hợp tầng 12 và Dịch vụ khoa sản (Tầng 4 phòng số: 401, 402, 403, 404, 405, 406 và Tầng 5 phòng số: 532, 533, 534, 536, 537, 538, 539, 540, 543, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 554, 555, 556, 557, 501, 502, 503, 504, 505, 541, 542, 552, 553) | -                                                                                                                                                                                                                                                       | 4                                         | 1 | 1 |

|                           |                |  |                                                   |          |          |
|---------------------------|----------------|--|---------------------------------------------------|----------|----------|
|                           |                |  | <b>Phân bổ nhân công lao động<br/>cho 01 ngày</b> |          |          |
|                           | <b>Khu vực</b> |  |                                                   |          |          |
| <b>Nhân công lao động</b> |                |  | <b>21</b>                                         | <b>7</b> | <b>3</b> |
| <b>Nhân công giám sát</b> |                |  | <b>1</b>                                          | <b>1</b> |          |
| <b>Tổng cộng</b>          |                |  | <b>33</b>                                         |          |          |

## V. Danh mục máy móc, thiết bị dịch vụ hỗ trợ:

### 1. Máy móc thiết bị, vật tư, dụng cụ làm sạch:

| STT | Tên các dụng cụ vệ sinh    | Hình ảnh minh họa                                                                    | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 1   | Máy chà sàn liên hợp 2 mâm |    | Cái | 4        |
| 2   | Máy chà sàn đơn            |     | Cái | 4        |
| 3   | Máy hút bụi khô – ướt      |   | Cái | 4        |
| 4   | Máy phun rửa áp lực        |   | Cái | 3        |
| 5   | Xe vắt nước                |  | Cái | 49       |
| 6   | Cây lau ướt                |  | Cái | 49       |
| 7   | Cây lau bụi                |  | Cái | 49       |
| 8   | Bộ lau kính                |  | cái | 07       |

| STT | Tên các dụng cụ vệ sinh     | Hình ảnh minh họa                                                                    | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 9   | Pad đánh sàn                |    | Cái | 110      |
| 10  | Bình xịt                    |    | Cái | 55       |
| 11  | Xe đẩy rác                  |    | Cái | 9        |
| 12  | Cây nối                     |    | Cái | 15       |
| 13  | Chổi quét sàn               |   | Cái | 49       |
| 14  | Dụng cụ hút rác chuyên dùng |  | Cái | 49       |
| 15  | Biển báo sàn ướt            |   | Cái | 48       |
| 16  | Vật dụng khác               | Đảm bảo đủ theo yêu cầu công việc                                                    |     |          |

## 2. Hóa chất cung cấp:

| STT | Tên hóa chất                       | Công dụng                        | Hình ảnh                                                                              | ĐVT | Số lượng/tháng |
|-----|------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------|
| 1   | FLOORDRESS R600 (hoặc tương đương) | Hóa chất lau sàn, tẩy trung tính |  | Lít | 130            |
| 2   | DEOAIR FLORAL (hoặc tương đương)   | Khử mùi, xịt phòng               |  | Lít | 174            |

|   |                                                  |                                                             |                                                                                     |      |     |
|---|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| 3 | KLEER GLASS (hoặc tương đương)                   | Hóa chất lau kính                                           |  | Lít  | 174 |
| 4 | ACI – CLEAN TBC DEO DISINFECT (hoặc tương đương) | Hóa chất vệ sinh toilet, khử trùng bồn cầu, tẩy rửa bồn cầu |  | Lít  | 325 |
| 5 | SODIUM DICHLOOROISOCYANURATE(NADCC)              | Hóa chất khử khuẩn                                          |                                                                                     | Viên | 100 |

**VI. Quy định màu sắc một số dụng cụ vệ sinh sử dụng tại các khu vực trong bệnh viện:**

**5.1. Quy định màu tẩy lau:**

| <b>Khu vực/ khoa phòng</b>          | <b>Khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao màu: Đỏ</b> | <b>Khu vực có nguy cơ lây nhiễm trung bình màu: Vàng</b> | <b>Khu vực có nguy cơ lây nhiễm thấp màu: Xanh</b> | <b>Khu vực vô trùng màu: Trắng</b> |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|
| Phòng lưu bệnh nhiễm                | X                                               |                                                          |                                                    |                                    |
| Nhà vệ sinh                         | X                                               |                                                          |                                                    |                                    |
| Trại Đơn nguyên sơ sinh             |                                                 |                                                          |                                                    | X                                  |
| Khu vực lưu trữ dụng cụ (khoa KSNK) |                                                 |                                                          |                                                    | X                                  |
| Phòng BN ung bướu, BN mổ tim        |                                                 |                                                          |                                                    | X                                  |
| Phòng khám                          |                                                 |                                                          | X                                                  |                                    |
| Phòng hành chính                    |                                                 |                                                          | X                                                  |                                    |
| Phòng chờ                           |                                                 |                                                          | X                                                  |                                    |
| Phòng nhân viên                     |                                                 |                                                          | X                                                  |                                    |
| Phòng họp                           |                                                 |                                                          | X                                                  |                                    |
| Phòng lưu bệnh thường               |                                                 | X                                                        |                                                    |                                    |
| Phòng thủ thuật                     |                                                 | X                                                        |                                                    |                                    |

| <b>Khu vực/ khoa phòng</b> | <b>Khu vực có nguy cơ lây nhiễm cao màu: Đỏ</b> | <b>Khu vực có nguy cơ lây nhiễm trung bình màu: Vàng</b> | <b>Khu vực có nguy cơ lây nhiễm thấp màu: Xanh</b> | <b>Khu vực vô trùng màu: Trắng</b> |
|----------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------|
| Khu lưu giữ đồ bẩn         |                                                 | X                                                        |                                                    |                                    |

## **5.2. Qui định màu xô chứa:**

- Chứa hóa chất khử trùng: Xô màu đỏ
- Chứa hóa chất làm sạch/ nước sạch: Xô màu xanh

## **5.3. Qui định màu bao chứa rác:**

Theo đúng qui chế kiểm soát nhiễm khuẩn của Bộ Y tế:

- Màu vàng đựng chất thải y tế lây nhiễm
- Màu đen đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm
- Màu xanh đựng chất thải y tế thông thường.
- Màu trắng đựng chất thải tái chế

## **5.4. Quy trình vệ sinh Bệnh viện:**

- Tất cả nhân viên vệ sinh phải được tập huấn đầy đủ và thực hiện đúng quy định vệ sinh môi trường bề mặt trong các cơ sở khám chữa bệnh theo Hướng dẫn 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017.
- Đảm bảo điền đầy đủ các bảng check list các khu vực làm vệ sinh, giám sát kiểm tra và đánh giá hằng ngày

## **5.5. Qui định xử lý chất thải:**

Thực hiện theo Thông tư 20/2021/TT-BYT quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế ngày 26 tháng 11 năm 2021:

- 100% nhân viên vệ sinh (sau khi đã trúng thầu với Bệnh viện) phải được tập huấn đầy đủ Quy chế quản lý chất thải do Bộ Y tế ban hành.
- Nhân viên vệ sinh sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất thải từ lúc thu gom tại khoa đến khu tập kết rác theo sơ đồ của Bệnh viện và thực hiện rửa thùng rác vận chuyển sạch sẽ để chuyển trả lại đúng vị trí cho các khoa phòng.

## **5.6. Quy định với nhân viên vệ sinh:**

- Được huấn luyện đào tạo và có chứng nhận vệ sinh Bệnh viện trước khi được tuyển vào làm việc.
- Biết rõ phân vùng làm việc của mình: Biết rõ nguy cơ, quy định vệ sinh theo từng vùng được phân công.
- Thực hành đúng thao tác vệ sinh môi trường, từ khâu chuẩn bị đủ, đúng dụng cụ vệ sinh, pha đúng dung dịch và nồng độ dung dịch làm vệ sinh khử khuẩn, kỹ thuật lau, quét, tránh làm ô nhiễm và không sạch khi vệ sinh môi trường.
- Phân loại và thu gom chất thải đúng theo quy định.
- Mang đầy đủ và đúng các trang phục phòng hộ cá nhân trong suốt quá trình làm việc và phải thay trang phục trước khi ra khỏi bệnh viện.
- Không thu gom vận chuyển chất thải tái chế ra khỏi khuôn viên bệnh viện.



- Đánh dấu bảng check list đầy đủ từng ngày khi thực hiện công tác vệ sinh.

❖ **Ghi chú:**

- *Giá trên bao gồm: thuế VAT, lương nhân viên, chi phí BHXH, chi phí khấu hao thiết bị, chi phí hóa chất.*
- *Bệnh viện cung cấp thùng rác, kho để vật tư, dụng cụ, , bao rác các loại, nơi để xe miễn phí cho nhân viên vệ sinh.*